

Phụ lục I

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2010/TT-BKHCN ngày 02 tháng 07 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Biểu 01CS-KHCN

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(Tính đến ngày 31/12 năm 2014)

Ngày gửi báo cáo: 10/3/2015....

Đơn vị báo cáo: Trường CDKT Lý Tự Trọng

Đơn vị nhận báo cáo:

☐ Cục Thông tin KH&CN Quốc gia

☒ Sở KH&CN tỉnh, tp. trực thuộc TƯ

☐ Bộ/ngành chủ quản

1. Tên đơn vị báo cáo: TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	
2. Tên giao dịch viết tắt (nếu có):	
3. Tên tiếng Anh (nếu có): LY TU TRONG TECHNICAL COLLEGE, HCMC	
4. Địa chỉ: 390 Hoàng Văn Thụ, phường 4, quận Tân Bình Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương: Thành phố Hồ Chí Minh	
5. Phương tiện liên lạc: Điện thoại: 08-38440567 Fax: 08-38118676 Email: lytutrong@lytc.edu.vn Website: www.lytc.edu.vn	
6. Số quyết định thành lập: 621/QĐ-BGDĐT	7. Ngày thành lập: 03/2/2005
8. Mã số thuế: 0302483515	
9. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN: Số: Ngày cấp: Nơi cấp:	
10. Cấp quyết định thành lập: ☐ Chính phủ ☐ Thủ tướng Chính phủ ☒ Bộ/ngành ☐ Tỉnh, Tp. trực thuộc TƯ ☐ Cơ quan TƯ của đoàn thể ☐ Cơ sở	
11. Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và đào tạo TP.HCM	
12. Bộ/ngành, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo	

13. Loại hình của đơn vị/tổ chức:

- ☐ Hành chính (quản lý nhà nước) ☐ Đơn vị nghiên cứu và phát triển
☒ Trường đại học, cao đẳng, học viện ☐ Đơn vị dịch vụ KH&CN
☐ Doanh nghiệp KH&CN ☐ Doanh nghiệp

14. Thành phần kinh tế:

- ☒ Nhà nước ☐ Tập thể
☐ Tư nhân ☐ Có vốn đầu tư nước ngoài

15. Tổng giá trị tài sản cố định (triệu đồng): 139.653

16. Tổng giá trị vốn lưu động (triệu đồng): 0

17. Mô tả lĩnh vực nghiên cứu chính của đơn vị (Ghi đến cấp 2 trong Bảng phân loại Lĩnh vực nghiên cứu KH&CN Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN ngày 04 tháng 09 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Khoa học kỹ thuật và công nghệ:

1. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin (mã cấp 2: 202)
2. Kỹ thuật cơ khí (mã cấp 2: 203)

Khoa học xã hội

1. Khoa học giáo dục (mã cấp 2: 503)

Khoa học tự nhiên

1. Khoa học máy tính và thông tin (mã cấp 2: 102)

18. Thông tin về số liệu trong các biểu mẫu báo cáo:

- ☒ Bao gồm số liệu của toàn bộ đơn vị/tổ chức, kể cả các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân;
☐ Chỉ bao gồm số liệu của các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân. Không có bao gồm số liệu của các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng (Những đơn vị này có báo cáo riêng).

19. Nếu có các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng, đề nghị lập danh sách các đơn vị đó:

STT	Tên đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân	Họ và tên thủ trưởng	Địa chỉ, Điện thoại, Fax, Email
1			
2			

Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Trang

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

Phụ lục II
SỐ LAO ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2010/TT-BKHCN ngày 02 tháng 07 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Biểu 02CS-KHCN

SỐ LAO ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ BÁO CÁO
(Có đến ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Ngày gửi báo cáo: 10/3/2015.

**Đơn vị báo cáo: Trường Cao đẳng Kỹ thuật
Lý Tự Trọng TPHCM**

Đơn vị nhận báo cáo:

- ☐ Cục Thông tin KH&CN Quốc gia
☒ Sở KH&CN tỉnh, Tp trực thuộc TƯ
☐ Bộ/ngành chủ quản

Đơn vị tính: Người

	Mã số	Tổng số	Chia theo trình độ chuyên môn						Chức danh	
			Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Khác	Giáo sư	Phó GS
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1. TỔNG SỐ	1	391	1	104	206	28	26	26		
<i>Trong đó số Nữ</i>	2	188		41	108	9	13	17		
2. Chia theo dân tộc		391	1	104	206	28	26	26		
Dân tộc Kinh	3	386	1	103	203	28	25	26		
Dân tộc ít người	4	5		1	3		1			
Người nước ngoài	5									

thích
✓

	Mã số	Tổng số	Chia theo trình độ chuyên môn						Chức danh	
			Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Khác	Giáo sư	Phó GS
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
3. Chia theo độ tuổi		391	1	104	206	28	26	26		
Đến 35 tuổi	6	187		44	109	21	11	2		
Từ 36-55 tuổi	7	187	1	56	95	4	13	18		
Từ 56-60 tuổi	8	17		4	2	3	2	6		
Từ 61-65 tuổi	9									
Trên 65 tuổi	10									
4. Chia theo lĩnh vực đào tạo		391	1	104	206	28	26	26		
Khoa học tự nhiên	11	40		18	22					
Khoa học kỹ thuật và công nghệ	12	167	1	49	83	22	12			
Khoa học y, dược	13	4		1			3			
Khoa học nông nghiệp	14	1			1					
Khoa học xã hội	15	41		4	37					
Khoa học nhân văn	16	55		32	20		2	1		
Các ngành khác	17	83			43	6	9	25		

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu



Trần Thị Thu Hà


 PHẠM HỮU LỘC

Phụ lục III
SỔ VIÊN CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2010/TT-BKHCN ngày 02 tháng 07 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Biểu 03CS-KHCN

SỔ VIÊN CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Có đến ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Ngày gửi báo cáo: 10/3/2015

**Đơn vị báo cáo: Trường Cao đẳng Kỹ thuật
Lý Tự Trọng TPHCM**

Đơn vị nhận báo cáo:

- ☐ Cục Thông tin KH&CN Quốc gia
☒ Sở KH&CN tỉnh, Tp trực thuộc TƯ
☐ Bộ/ngành chủ quản

Đơn vị tính: Người

	Mã số	Tổng số	Chia theo ngạch bậc viên chức KH&CN						
			Ngạch nghiên cứu viên			Ngạch kỹ sư			Kỹ thuật viên
			Nghiên cứu viên	Nghiên cứu viên chính	Nghiên cứu viên cao cấp	Kỹ sư	Kỹ sư chính	Kỹ sư cao cấp	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. TỔNG SỐ	01	17				7			10
trong đó số Nữ	02	4				1			3

Ghi chú: Kỹ thuật viên gồm:

- Ngạch Kỹ thuật viên (13.096): 8 người
- Ngạch nhân viên kỹ thuật (01.007): 2 người

Kỹ sư gồm:

- Ngạch Kỹ sư (13.095): 4 người
- Ngạch Kỹ sư CĐ (13a.095): 3 người

Người lập biểu

Trần Thị Thu Hà

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2015



Phạm Hữu Lộc

Phụ lục IV
CHI CHO KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2010/TT-BKHCN ngày 02 tháng 07 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Biểu 04CS-KHCN

CHI CHO KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31/12 năm 2014)

Ngày gửi báo cáo: 10/2/2015.....

**Đơn vị báo cáo: TRƯỜNG CAO ĐẲNG
KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG TPHCM**

Đơn vị nhận báo cáo:

- ☐ Cục Thông tin KH&CN Quốc gia
☐ Sở KH&CN tỉnh, Tp trực thuộc TƯ
☐ Bộ/ngành chủ quản

Đơn vị: triệu đồng

	Mã số	Tổng số	Chia theo nguồn cấp kinh phí			
			Ngân sách nhà nước		Ngoài NSNN	Nước ngoài
			NS Trung ương	NS địa phương		
A	B	1	2	3	4	5
1. TỔNG CHI <i>Chia theo:</i>	1					
2. CHI HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	2					
3. CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	3					
4. CHI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ <i>Chia theo:</i>	4					
4.1. Chi quỹ lương và hoạt động bộ máy trong đó:	5					

	Mã số	Tổng số	Chia theo nguồn cấp kinh phí			
			Ngân sách nhà nước		Ngoài NSNN	Nước ngoài
			NS Trung ương	NS địa phương		
A	B	1	2	3	4	5
- Chi tiền lương, tiền công, phụ cấp	6					
- Chi hoạt động bộ máy	7					
4.2. Chi hoạt động theo chức năng	8					
4.3. Chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN trong đó:	9					
- Đề tài/dự án cấp nhà nước	10					
- Đề tài/dự án cấp Bộ	11					
- Đề tài/dự án cấp Tỉnh/Thành phố	12					
- Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở	13	51,849		51,849		
- Nhiệm vụ KH&CN khác	14					
4.4. Chi tăng cường năng lực nghiên cứu	15					
4.5. Chi sửa chữa chống xuống cấp	16					
4.5. Chi hợp tác quốc tế	17					
5. CHI CHO KH&CN TỪ CÁC NGUỒN SỰ NGHIỆP KHÁC	18					

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2015

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH



Phạm Ngọc Long



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc

Phụ lục V

SỐ ĐỀ TÀI/DỰ ÁN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2010/TT-BKHCN ngày 02 tháng 07 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Biểu 05CS-KHCN

SỐ ĐỀ TÀI/DỰ ÁN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

(Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm 2014)

Ngày gửi báo cáo: 10/3/2015.....

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:

☐ Cục Thông tin KH&CN Quốc gia

☒ Sở KH&CN tỉnh, Tp trực thuộc TƯ

☐ Bộ/ngành chủ quản

Đơn vị tính: Đề tài

	Mã số	Tổng số đề tài thực hiện trong năm	Trong đó chia theo		Số đề tài đã nghiệm thu trong năm
			Số chuyển tiếp từ năm trước	Số được phê duyệt mới trong năm	
A	B	1	2	3	4
1. TỔNG SỐ	1				
1.1. Chia theo cấp quản lý					
- Cấp nhà nước	2				
- Cấp Bộ/ngành	3				
- Cấp Tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ	4	1	1	0	0
- Cấp cơ sở	5	20	6	14	18
- Khác	6				

1.2. Chia theo loại ĐT/DA					
- ĐT/DA nghiên cứu cơ bản	7				
- ĐT/DA nghiên cứu ứng dụng	8	21	7	14	18
- ĐT/DA triển khai thực nghiệm	9				
- ĐT/DA sản xuất thử nghiệm	10				
- Khác	11				
1.3 Chia theo lĩnh vực nghiên cứu*					
- Lĩnh vực Khoa học giáo dục	50301	21	7	14	18
1.4 Chia theo mục tiêu kinh tế xã hội của nghiên cứu**					
- Mục tiêu Phát triển giáo dục và Đào tạo - Giáo dục đào tạo cao đẳng - Đại học	1065	21	7	14	18
2. SỐ ĐT/DA CÓ CHỦ NHIỆM LÀ NỮ	12	5	0	5	4

Ghi chú:

* Lĩnh vực nghiên cứu xác định đến lớp 3 theo Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu ban hành kèm Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN của Bộ trưởng Bộ KH&CN

** Mục tiêu kinh tế-xã hội của nghiên cứu xác định đến lớp 2 theo bảng Phân loại Mục tiêu kinh tế-xã hội của nghiên cứu ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN của Bộ trưởng Bộ KH&CN

Người lập biểu


Nguyễn Ngọc Trang

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc